

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHƠN TRẠCH
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 94/2025/HSST

Ngày: 28/3/2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN TRẠCH TỈNH ĐỒNG NAI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoài Đức Huệ và ông Thái Minh Trí.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch tham gia phiên tòa:
Ông **Nguyễn Duy Tình** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 87/2025/TLST-HS ngày 06 tháng 3 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2025/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 3 năm 2020 đối với các bị cáo:

- Trần Thị Kim T (Tên gọi khác: L), sinh năm 1962 tại tỉnh Trà Vinh.

Nơi đăng ký HKTT: ấp N, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Nơi cư trú: ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai

Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh.

Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 02/12; Nghề nghiệp: Buôn bán.

Con ông Trần Văn K (Đã chết) và bà Nguyễn Thị B (Đã chết).

Bị cáo sống chung như vợ chồng với ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1974 và có 01 con chung sinh năm 1990.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị can bị tạm giữ từ ngày ngày 16/11/2024, đến ngày 25/11/2024 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

- Lê Thị H, sinh năm 1972 tại tỉnh Tiền Giang.

Nơi đăng ký HKTT: ấp G, xã T, TP ., tỉnh Tiền Giang.

Nơi cư trú: ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai

Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh.

Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 03/12; Nghề nghiệp: Buôn bán.

Con ông Lê Văn N (Đã chết) và bà Lê Thị N1, sinh năm 1947.

Bị cáo có chồng là Lê Tấn P, sinh năm 1974 và có 02 người con, con lớn nhất sinh năm 1998, con nhỏ nhất sinh năm 2004.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị can bị tạm giữ từ ngày ngày 16/11/2024, đến ngày 25/11/2024 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Chị Trương Thị Bạch M, sinh năm 1892, địa chỉ: ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai

Chị Dương Ngọc H1, sinh năm: 1979; Địa chỉ: 7 ấp A, xã P, huyện N, thành phố Hồ Chí Minh.

(Các bị cáo có mặt. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị M và chị H1 vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào Lúc 15 giờ 40 phút, ngày 16 tháng 11 năm 2024, Lê Bảo P1 và Nguyễn Văn T2 đến quán cà phê “836 V” của Trần Thị Kim T thuộc ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai để uống nước và có nhu cầu mua dâm. Nghe vậy, Lê Thị H sử dụng điện thoại báo cho Tui biết có 02 khách có nhu cầu mua dâm, T đồng ý và liên hệ cho Trương Thị Bạch M và Dương Ngọc H1 đến quán cà phê “836 V” bán dâm cho khách. Khoảng 10 phút sau M và Ngọc H1 đến quán cà phê “836 V”. Tại đây M đã thoả thuận với P1 giá bán dâm là 400.000 đồng mỗi lần quan hệ tình dục. Ngọc H1 thoả thuận với T2 giá bán dâm là 500.000 đồng sau mỗi lần quan hệ tình dục. Sau đó, M dẫn P1 lên phòng trên lầu, còn Ngọc H1 dẫn T2 vào phòng tầng trệt của quán để bán dâm. Lê Thị H ở ngoài trông coi. Đến 16 giờ 15 phút cùng ngày, lực lượng Công an tiến hành kiểm tra phát hiện bắt quả tang về hành vi “Chứa mại dâm” tại quán cà phê “836 V”.

Vật chứng thu giữ: 02 bao cao su đã qua sử dụng là công cụ dùng để thực hiện hành vi bán dâm; 01 điện thoại di động hiệu OPPO F11 Pro, màu trắng của Lê Thị H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu S A13, màu đen của Trần Thị Kim T; số tiền 400.000 đồng của Trương Thị Bạch M bán dâm cho khách và số tiền 500.000 đồng của Dương Ngọc H1 bán dâm cho khách.

Ngày 25 tháng 11 năm 2024, Cơ quan điều tra Công an huyện N đã ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị cáo đối với Trần Thị Kim T và Lê Thị H để điều tra.

Quá trình điều tra Trần Thị Kim T và Lê Thị H khai nhận: Trần Thị Kim T là chủ quán cà phê “836 V” và quán nhậu “Ngọc L” cùng thuộc ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Để tăng thêm thu nhập, T nảy sinh ý định sử dụng địa điểm quán cà phê “836 Vườn lan” cho nhân viên phục vụ, mua bán dâm tại đây. Đến tháng 10 năm 2024 có Trương Thị Bạch M và Dương Ngọc H1 đến xin làm nhân viên phục vụ quán, T thoả thuận với M và H1 là làm việc tại quán sẽ không hưởng tiền lương mà chỉ hưởng tiền bo do khách cho và tiền bán dâm cho khách, việc thoả thuận về số tiền bán dâm như thế nào do M và Hà tự trao đổi với khách, nhưng sau khi bán dâm tại quán xong, M và H1 phải trích 50.000 đồng trên mỗi người đưa cho T.

Ngày 16 tháng 11 năm 2024 Tui giao quán cà phê “836 Vườn Lan” cho nhân viên quán là Lê Thị H làm quản lý, trông coi và khi có khách đến liên hệ mua dâm

thì liên hệ để T điều nhân viên đến quán bán sâm cho khách. Vào Lúc 15 giờ 40 phút cùng ngày, có Lê Bảo P1 và Nguyễn Văn T2 đến quán uống nước và có nhu cầu mua sâm. Nghe vậy, Lê Thị H sử dụng điện thoại báo cho Tui biết có 02 khách có nhu cầu mua sâm, T đồng ý, và liên hệ cho Trương Thị Bạch M và Dương Ngọc H1 đến quán cà phê “836 V” bán sâm cho khách. Khoảng 10 phút sau M và Ngọc H1 đến quán cà phê “836 V”. Tại đây M đã thỏa thuận với P1 giá bán sâm là 400.000 đồng mỗi lần quan hệ tình dục. Ngọc H1 thỏa thuận với T2 giá bán sâm là 500.000 đồng sau mỗi lần quan hệ tình dục. Sau đó, M dẫn P1 lên phòng trên lầu, còn Ngọc H1 dẫn T2 vào phòng tầng trệt của quán để bán sâm. Lê Thị H ở ngoài trông coi. Đến 16 giờ 15 phút cùng ngày, lực lượng Công an tiến hành kiểm tra phát hiện bắt quả tang về hành vi “Chứa mại sâm” tại quán cà phê “836 V”.

Đối với Lê Bảo P1 và Nguyễn Văn T2 có hành vi mua sâm. Cơ quan CSĐT Công an huyện N đã ra Quyết định xử lý hành chính theo quy định.

Đối với Trương Thị Bạch M và Dương Ngọc H1 có hành vi bán sâm cho khách. Cơ quan CSĐT Công an huyện N đã ra Quyết định xử lý hành chính theo quy định.

Tại bản cáo trạng số 116/CT-VKS-HS ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch truy tố các bị cáo Trần Thị Kim T, Lê Thị H về tội “Chứa mại sâm” theo khoản 1 Điều 327 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung truy tố tại bản cáo trạng và phân tích đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 327, điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung 2017). Đề nghị:

Xử phạt bị cáo Trần Thị Kim T từ 16 tháng đến 20 tháng tù treo

Xử phạt bị cáo Lê Thị H từ 14 tháng đến 18 tháng tù treo.

Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị Tòa án tuyên: Tịch thu tiêu hủy 02 bao cao su đã qua sử dụng; Tịch sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động hiệu 0PP0 F11 Pro, màu trắng của Lê Thị H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu S A13, màu đen của Trần Thị Kim T và số tiền thu lợi bất chính: 400.000 đồng của đã thu giữ Trương Thị Bạch M; 500.000 đồng đã thu giữ của Dương Ngọc H1.

- Các bị cáo Trần Thị Kim T và Lê Thị H không tranh luận với bản luận tội của Kiểm sát viên và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung tại Cáo trạng đã nêu, bị cáo nói lời nói sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Về quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, cơ quan truy tố; Hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện

đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến gì hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được Tòa án triệu tập nhưng vắng mặt, tuy nhiên đã có lời khai trong quá trình điều tra, không ảnh hưởng đến việc xét xử nên căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Về trách nhiệm hình sự:

Tại cơ quan điều tra cũng như qua thẩm tra xét hỏi trước phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã nêu, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng, phù hợp với vật chứng thu được và phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và đúng như hành vi phạm tội mà Viện kiểm sát truy tố bị cáo ra trước tòa, cho thấy các bị cáo đã có hành vi phạm tội như sau:

Trần Thị Kim T là chủ quán cà phê “836 V” thuộc ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Tui giao cho Lê Thị H là nhân viên quản lý quán cà phê “836 Vườn Lan”. Vào lúc 16 giờ 15 phút ngày 16 tháng 11 năm 2024, Trần Thị Kim T và Lê Thị H có hành vi để cho hai nhân viên là Trương Thị Bạch M và Dương Ngọc H1 bán dâm cho 02 khách tại quán cà phê “836 V” nhằm thu lợi bất chính 50.000 đồng trên mỗi người thì bị phát hiện bắt quả tang.

Như vậy, đã có đủ căn cứ để xác định hành vi của các bị cáo Trần Thị Kim T và Lê Thị H đã phạm tội “Chứa mại dâm”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 327 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, đạo đức danh dự, nhân phẩm, sức khỏe của người phụ nữ được pháp luật bảo vệ, gây dư luận xấu trong cộng đồng dân cư, Bản thân các bị cáo hiểu rõ việc gọi gái mại dâm đến cho khách để họ mau bán dâm ngay tại quán thuộc quyền sở hữu là vi phạm pháp luật nhưng vì xem thường pháp luật các bị cáo đã cùng nhau thực hiện hành vi chứa mại dâm nhằm thu lợi bất chính nhưng chỉ ở mức đồng phạm giản đơn, không có sự phân công, bàn bạc cụ thể, tuy nhiên bị cáo Trần Thị Kim T là chủ quán và gọi gái mại dâm đến cho khách, bị cáo Lê Thị H tích cực tham gia và giúp sức cho bị cáo T nên vai trò của bị cáo Trần Thị Kim T cao hơn bị cáo Lê Thị H. Do vậy cần có hình phạt phù hợp với hành vi, tính chất, mức độ của các bị cáo nhằm giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo có nhân thân tốt là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 để xem xét trách nhiệm hình cho các bị cáo.

Mặt khác: Xét các bị cáo **Trần Thị Kim T** và **Lê Thị H** chưa có tiền án tiền sự; phạm tội lần đầu; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng; thật sự ăn năn hối cải và có khả năng tự cải tạo mình; có trình độ học vấn thấp, nhận thức về pháp luật còn hạn chế nên không nhất thiết phải cách ly bị cáo với xã hội mà áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 để xem xét trách nhiệm hình sự cho các bị cáo hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách để thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước.

Đối với **Lê Bảo P1** và **Nguyễn Văn T2** có hành vi mua dâm. Cơ quan CSĐT Công an huyện N đã ra Quyết định xử lý hành chính là phù hợp với quy định pháp luật

Đối với **Trương Thị Bạch M** và **Dương Ngọc H1** có hành vi bán dâm cho khách. Cơ quan CSĐT Công an huyện N đã ra Quyết định xử lý hành chính là phù hợp với quy định pháp luật.

[4] Về biện pháp tư pháp:

Tịch thu tiêu hủy 02 bao cao su đã qua sử dụng.

Tịch sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động hiệu 0PP0 F11 Pro, màu trắng của Lê Thị H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu S A13, màu đen của Trần Thị Kim T và số tiền thu lợi bất chính: 400.000 đồng của đã thu giữ Trương Thị Bạch M; 500.000 đồng đã thu giữ của Dương Ngọc H1.

[5] Về án phí sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[6] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử về tội phạm, hình phạt và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ đối với các bị cáo nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điều 17; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; khoản 1 Điều 327 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Tuyên bố: Các bị cáo **Trần Thị Kim T** và **Lê Thị H** phạm tội: “**Chứa mại dâm**”.

- Xử phạt: Bị cáo **Trần Thị Kim T 01** (năm) năm 08 (tám) tháng tù. nhưng cho hưởng án treo; Thời gian thử thách 03 (ba) năm 04 (bốn), tính từ ngày tuyên án.

- Xử phạt: Bị cáo **Lê Thị H 01** (một) năm 06 (sáu) tháng tù. nhưng cho hưởng án treo; Thời gian thử thách 03 (bà) năm, tính từ ngày tuyên án.

Giao các bị cáo Trần Thị Kim T và Lê Thị H cho Ủy ban nhân dân xã P, **huyện N, tỉnh Đồng Nai** giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì Ủy ban nhân dân xã P có trách nhiệm thông báo cho cơ quan thi hành án hình sự để làm thủ tục chuyển giao hồ sơ thi hành án treo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người được hưởng án treo đến cư trú để giám sát, giáo dục.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của **Lược thi hành án hình sự** lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều **46**; Điều **47** Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều **106** Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 02 bao cao su đã qua sử dụng.

Tịch sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động hiệu OPPO F11 Pro, màu trắng của Lê Thị H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu S A13, màu đen của Trần Thị Kim T.

Vật chứng đang được tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 25 tháng 10 năm 2024

Tịch sung quỹ nhà nước số tiền thu lợi bất chính: 400.000 đồng của đã thu giữ Trương Thị Bạch M; 500.000 đồng đã thu giữ của Dương Ngọc H1 theo biên lai thu tiền số **0004551** ngày **14** tháng **3** năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- VKSND tỉnh; VKSND huyện Nhơn Trạch;
- Chi cục THADS huyện Nhơn Trạch;
- Công an huyện Nhơn Trạch;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Tiến Trung

Hội thẩm nhân dân	HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM	Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
-------------------	-------------------------	-------------------------------

